

2. Tiết c khoản 1 Mục IV được hủy bỏ.

3. Phụ lục số 2 được thay thế bằng Phụ lục số 2a và 2b; Phụ lục số 4 được thay thế bằng Phụ lục số 4a; Phụ lục số 6 và 7 được thay thế bằng một Phụ lục số 6a.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày ký. Các quy định trước đây trái với quy định tại Quyết định này đều bãi bỏ.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ngân hàng Nhà nước, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc (Giám đốc) các tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình chịu trách nhiệm tổ chức hướng dẫn, triển khai thực hiện Quyết định này./.

KT. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước
Phó Thống đốc

TRẦN MINH TUẤN

ỦY BAN DÂN TỘC VÀ MIỀN NÚI

QUYẾT ĐỊNH số 166/2001/QĐ-UBND
ngày 05/9/2001 về việc ban hành
quy định tiêu chí Hộ dân tộc thiểu
số đặc biệt khó khăn.

BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM ỦY BAN
DÂN TỘC VÀ MIỀN NÚI

Căn cứ Nghị định số 59/1998/ND-CP ngày

13/8/1998 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Ủy ban Dân tộc và Miền núi;

Căn cứ Điều 2 Quyết định số 138/2000/QĐ-TTg ngày 29/11/2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển Dự án Hỗ trợ dân tộc đặc biệt khó khăn thành chính sách hỗ trợ Hộ dân tộc đặc biệt khó khăn;

Căn cứ Văn bản số 764/CP-NN ngày 22/8/2001 của Thủ tướng Chính phủ giao cho Ủy ban Dân tộc và Miền núi quyết định ban hành tiêu chí Hộ dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn, làm cơ sở xác định các hộ gia đình được hưởng chính sách hỗ trợ Hộ dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn của Nhà nước

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách dân tộc,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành tiêu chí Hộ dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn (có bản Quy định tiêu chí kèm theo Quyết định này).

Quy định tiêu chí Hộ dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn được áp dụng đối với các tỉnh có đồng bào dân tộc thiểu số được hưởng chính sách hỗ trợ Hộ dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn của Nhà nước.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký. Các quy định trước đây trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

Điều 3. Bộ trưởng các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng các cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban
Dân tộc và Miền núi

HOÀNG ĐỨC NGHI

01638790

LawSop * Tel: +84 9 368 6684 * www.ThuVienPhapLuat.Com

QUY ĐỊNH Tiêu chí Hộ dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn

(ban hành theo Quyết định số 166/2001/QĐ-UBND ngày 05 tháng 9 năm 2001 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc và Miền núi).

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Tiêu chí Hộ dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn là cơ sở để xác định Hộ dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn được hưởng chính sách hỗ trợ của Nhà nước, giúp đồng bào dân tộc thiểu số ổn định cuộc sống, phát triển sản xuất sớm hòa nhập với cộng đồng các dân tộc trong vùng.

2. Đối tượng áp dụng:

Tiêu chí Hộ dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn được áp dụng đối với các hộ gia đình dân tộc thiểu số cư trú ở các xã khu vực III và các buôn, làng, phum, sóc khu vực III, nằm trong xã khu vực I, II thuộc Chương trình phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc, miền núi, biên giới, vùng sâu, vùng xa (gọi tắt là Chương trình 135).

3. Các Hộ dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn

được hưởng chính sách hỗ trợ của Nhà nước phải đạt ba tiêu chí quy định tại Mục II của Quy định này.

II. QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Tiêu chí 1: Hộ dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn là các hộ gia đình dân tộc thiểu số ở vùng dân tộc, miền núi, vùng sâu, vùng xa có mức thu nhập bình quân đầu người từ 80.000 đồng/người/tháng trở xuống (dưới chuẩn đói nghèo quy định tại Văn bản số 1143/2000/BLDTBXH ngày 01/11/2000 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội).

Tiêu chí 2: Hộ dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn có tập quán sản xuất còn mang nặng tính tự nhiên hái lượm, chủ yếu phát rẫy làm nương, chăn nuôi theo tập quán cũ, lạc hậu, công cụ sản xuất thô sơ, thiếu thốn, thiếu đất hoặc chưa có đất sản xuất (tính theo mức bình quân diện tích đất canh tác cho mỗi hộ gia đình của địa phương).

Tiêu chí 3: Tổng giá trị tài sản bình quân đầu người dưới một triệu đồng (không tính giá trị sử dụng của đất, giá trị các lán trại trên nương rẫy). Hộ có hoàn cảnh neo đơn, thiếu lao động hoặc có người ốm đau kéo dài, không có điều kiện tiếp cận các thông tin để phục vụ sản xuất và đời sống.